

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-PT

Ngày 19/6/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Hoàng Lan Phương

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Cù Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 29/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện N có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐ-PT ngày 20/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q - sinh năm 1996

Địa chỉ: Số nhà 80, phố Lê Lai, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Tổ 1 phố 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn N - sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà 80 phố Lê Lai, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh hóa, có mặt.

Người kháng cáo: Anh Vũ Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các bên đương sự như sau:

Về hôn nhân: Theo chị Q trình bày thì chị và anh Vũ Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N vào ngày 31/12/2015.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì, được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 12/2016 chị đã bỏ về bên ngoại ở phố 1, thị trấn L, huyện L sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhưng không mang lại kết quả gì. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn N.

Anh N cũng thống nhất như ý kiến của chị Q về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng hiện tại.

Nay chị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung : Chị và anh N có 01 con chung là cháu Vũ Thành Đức, sinh ngày 31/10/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu ở với ông bà nội, chị có xuống đón cháu nhưng anh N và ông bà không cho chị đón. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện nay chị đang làm cùng với mẹ đẻ ở nhà và làm trang điểm, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 15.000.000đ.

Anh N cũng thống nhất như ý kiến của chị Q về con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm ở một bệnh viện ngoài Hà Nội, thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 40.000.000đ-50.000.000đ.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N thống nhất như ý kiến của chị Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh nơi cư trú của đương sự, Trưởng phố Lê Lai, thị trấn N cung cấp cho Tòa án: Quá trình vợ chồng anh N, chị Quỳnh chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2016 chị Q đã về bên ngoại ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Nay chị Q có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị Q cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Hiện nay anh N đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác và đang sinh sống ở Hà Nội. Thỉnh thoảng anh N mới về thăm bố mẹ và cháu Đức; còn chị Q hiện nay đang ở cùng với gia đình nhà ngoại ở thị trấn L. Hiện nay chị cùng với mẹ đẻ ở nhà, làm nghề trang điểm,

Tại bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 29/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; Quyết định:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Như Q và anh Vũ Văn N.

Về con chung: Xác định cháu Vũ Thành Đức, sinh ngày 31/10/2013 là con chung của chị Nguyễn Thị Như Q và anh Vũ Văn N.

Giao cháu Đức cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Vũ Thành Đức thành niên.

Anh N có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, tuyên quyền kháng cáo và tuyên quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; tuyên thời hiệu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đối với các đương sự.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 09/4/2018, anh N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Vũ Thành Đức cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì anh có điều kiện hơn. Anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về phần giao nuôi con tại Bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N đã giải quyết là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh N và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần giao nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của anh N làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh N về việc xin được nuôi dưỡng cháu Vũ Thành Đức, HĐXX thấy rằng: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Thành Đức, sinh ngày 31/10/2013. Nguyên vọng của anh, của chị đều xin được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và anh N không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của anh N tại cấp phúc thẩm, thấy hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên theo địa phương cho biết thì hiện nay anh N đã xây dựng gia đình với người phụ nữ khác và đang sinh sống ở Hà Nội. Thỉnh thoảng anh N mới về thăm bố mẹ và cháu Đức; còn chị Q hiện nay đang ở cùng với gia đình nhà ngoại ở thị trấn L. Hiện nay chị cùng với mẹ đẻ ở nhà, làm nghề trang điểm, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là khoảng 15.000.000đ/tháng. Với mức thu nhập như vậy thì chị Q cũng đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đức và đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho cháu. Mặt khác cháu Đức độ tuổi còn nhỏ, chưa đủ 05 tuổi, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ mới bảo đảm cho sự phát triển bình thường của cháu nên việc giao cháu Đức cho chị Q nuôi dưỡng như Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh N mà giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N về phần nuôi con chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 BLTTDS 2015; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn N; giữ nguyên Bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N về phần giao nuôi con chung.

Xác định cháu Vũ Thành Đức, sinh ngày 31/10/2013 là con chung của chị Nguyễn Thị Như Q và anh Vũ Văn N.

Giao cháu Vũ Thành Đức cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Vũ Thành Đức thành niên, đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

Anh N phải chịu 300.000đ tiền án phúc thẩm.

(Số tiền án phí anh N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu số AA/2015/0004023 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- TAND huyện N;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh hóa;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự
- Cơ quan THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Dương Xuân Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

